

Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

Thế Giới Ngày Nay

Hai bức thư

Bác sĩ quân y Giang Yanyong trong tháng Tư 2003 gửi một lá thư ngỏ cho giới báo chí để thông báo về nhà nước Trung Hoa bưng bít việc dịch bệnh SARS lan tràn, nhờ đó thế giới mới hay và TH mới chịu nhận là có lỗi. Bác sĩ Giang tưởng rằng sẽ bị trừng phạt, nhưng rồi mọi việc trôi qua êm đẹp.

Tháng Hai năm 2004, bác sĩ Giang viết một bức thư thứ hai, lần này gửi cho lãnh đạo nhà nước để lên án vụ việc đàn áp sinh viên TH năm 1989. Thư gửi đi nhưng chẳng thấy có phản ứng nào.

Nhưng ngày 1 tháng Sáu, khi hai ông bà trên đường đến tòa Đại sứ Mỹ xin chiếu khán nhập cảnh Hoa-kỳ thăm con gái, thì bỗng nhiên biến mất, không thấy về nhà nữa. Bệnh viện Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân 301 nơi bác sĩ Giang làm việc cho hay rằng, hai vợ chồng ông được đưa đến một nơi bí mật để bảo vệ an ninh cho họ.

Người ta được biết sau đó bác sĩ Giang bị đưa vào nhà tù dành cho quân phạm. Bác sĩ bị buộc phải rút lại những lời lẽ tố cáo trong bức thư thứ hai và hứa không bao giờ viết thư như vậy nữa.

Bà vợ được về sau 15 ngày, nhưng ngày về của bác sĩ Giang vẫn còn là việc bí mật.

Bất khả tín

Cho đến nay thì TT Bush và Thủ tướng Blair đều công nhận rằng lý do đưa quân đánh Iraq hoàn toàn là vì Saddam Hussein tàn bạo chứ không có bằng cứ nào về việc ông ta chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt. Cơ quan CIA hiện đang bị điều tra về loạn tin thất thiệt. Trước đó giám đốc cơ quan này đã xin từ chức.

Sau khi nghe bản điều trần của Ủy Ban Tình Báo Thượng Viện tố cáo cơ quan CIA thổi phồng tin tức, TT Bush nói rằng bản điều trần “rất hữu ích” và ông “sẵn sàng tiếp nhận những ý kiến đề nghị”

Thủ tướng Blair cũng đang chờ đợi kết quả cuộc điều tra của một cơ quan bên Anh.

Cho đến nay, ngoài giám đốc CIA từ chức, tất cả đều không có gì thay đổi dù những lời tuyên bố trước cuộc chiến Iraq coi như bất khả tín.

Nhà Tù Tư Nhân

Một ngày nọ trong tháng Bảy, 2004 chính quyền Afghanistan bố ráp nhà anh Jonathan Idema, một cựu thủy quân lục chiến Mỹ, tại Kabul, người ta tìm thấy một nhà tù “tư nhân”. Trong nhà tù này anh ta giam giữ ba người Afghan bị treo ngược. Năm người khác bị xiềng và có dấu hiệu bị đánh. Nhà tù “tư nhân” này do Jonathan và hai người Mỹ khác cùng một vài người Afghanistan tự lập ra gọi là để chống khủng bố.

Jdema 47 tuổi, quen thuộc với giới ký giả tại Kabul. Anh ta thương mại xưng là làm việc cho một số cơ quan bí mật nào đó. Nhà tù tư nhân này đã khiến ba người tù bị tra tấn chết, và nhiều người khác bị thương. Các chính quyền hoàn toàn không hề ra lệnh cho Idema và đồng bọn hành động như thế.

Đây có lẽ là nhà tù của tư nhân bất hợp pháp đầu tiên trên thế giới.

Chụp ảnh trinh sát

Đầu tháng Bảy, Mỹ trục xuất hai nhân viên an ninh của phái đoàn Iran tại Liên Hợp Quốc, vì hoạt động gián điệp. Hai người này bị bắt gặp đang quay video các nơi quan trọng của thành phố New York, kể cả đường xe lửa ngầm. Thông thường thì chụp ảnh và quay phim thẳng cảnh không có gì phi pháp, nhưng đôi khi nhà chức trách xem tên tuổi của người chụp ảnh, mới hay họ là nhân viên tình báo của một nước nào đó vùng Trung Đông. Như ngày 29 tháng Sáu một người khai là quốc tịch Thụy Sĩ bị hỏi khi chụp ảnh nơi lọc dầu tại Texas. Nhưng khi xem hình ảnh anh ta chụp thì thấy có cả những nhà máy nguyên tử tại bang Ohio và Michigan. Hải cảng cũng là nơi có nhiều hoạt động chụp ảnh khả nghi. Ngày 24 tháng Sáu tại cảng Benicia cách Golden Gate 24 dặm, một người chụp ảnh bị cảnh sát đuổi hai lần trong một ngày. Vài ngày sau đó một

người Trung Đông bị bắt gặp đang chụp ảnh bến cảng New York. Những người tình nghi khai là du khách, nhưng xem ảnh và phim mới hay là những nơi trọng yếu đều được họ chiếu cố. Nhà chức trách mặc dù cho những ảnh người ta chụp là vô tư. Nhưng rất nhiều trường hợp phải xếp loại là ảnh trinh sát để dùng vào việc phá hoại.

Tội ác của Saddam Hussein

Hussein bị cáo là đã giết hại hàng nghìn người Iraq. Trong số đó:

- * Giết người trong các giáo phái từ 1974
- * Dùng hơi độc giết người Kurd tại Halabjah năm 1988
- * Giết người thuộc nhóm Barzani người Kurd.
- * Giết người trong các đảng chính trị trong 30 năm qua.
- * Năm 1991 đàn áp người Kurd và Shìte trong cuộc nổi dậy.
- * Năm 1990 xâm lăng Kuwait.

Đánh và Viết

Mỗi cuộc chiến tranh đều có những hậu quả của nó, và thường thì văn chương là một. Trong hai cuộc chiến tại Afghanistan và Iraq, độc giả đã thấy nhiều sách do những người lính và các ký giả theo cuộc chiến viết.

Một trong những cuốn sách nổi tiếng là *The Interrogators* của Chris Mackey viết với ký giả Greg Miller, dày 484 trang, kể lại kinh nghiệm thẩm vấn tù binh người Ả-rập tại Kandahar, Iraq.

Cuốn thứ hai là *This Man's Army* của Andrew Exum, dày 288 trang, kể lại cuộc sống cực kỳ khổ cực của đơn vị Army Ranger trong các thung lũng Shah-e-Kot tại Afghanistan.

Tướng Tommy Franks cũng xuất bản cuốn *American Soldier*, dày 352 trang, nói về kinh nghiệm chỉ huy hai đoàn quân Mỹ tại Afghanistan và Iraq. Cuốn này đã có 1 triệu ấn bản.

Một ký giả của Rolling Stone là Evan Wright theo chân đơn vị thám báo thủy quân lục chiến đã viết *Generation Kill*, dày 354 trang, mô tả những trận chiến ở tầm gần và những người lính trong tuổi 20.

Thiên Quốc

là Quê Hương

Nắng ở đây như nắng Sài-gòn
Trải trên cây lá ánh vàng hoàng hôn
Nhìn về hướng cũ, phương đông
Xa xôi quá, cách muôn trùng đại
dương.

Ôi thời gian trôi chẳng ngừng
Mấy mươi năm mà tưởng chừng hôm
qua.
Hàng phượng vĩ ấy năm xưa
Vẫn ra hoa, báo hiệu mùa chiatay?

Tháng Năm, lưu bút trao nhau
Vẫn chường ngày đó ngày ngô vô
cùng:
“Hai tay bưng đĩa muối gừng
Gừng cay muối mặn xin đừng quên
nhau !”

Bạn bè thuở nhỏ còn đâu
Thời thanh xuân chợt qua cầu gió bay.
Tóc thề nay bạc mái đầu
Bao cuộc đời đã nát nhàu đau thương.

Hôm nào trở lại cố hương
Đạo chơi bên những con đường tuổi
thơ.
(Và không một chút bất ngờ
Đàn con cháu bạn sẵn chờ đón ta !)

Thế nhưng ngần ngại nẻo xa
Mỗi mòn ngày tháng, lòng chưa muốn
về.
Ngoài vườn vắng vắng tiếng ve
Houston nắng ấm cùng hè quê hương

Thôi thì, trái đất nửa vòng
Chắc không hẹn ở cổng trường Văn
Khoa
Hương về Thiên Quốc gặp nhau
Nhắc tên này phút nguyện cầu đêm
đêm.

Vân Anh

(Đêm Hội Ngộ Cựu Sinh Viên Tin
Lành 7-7-2004)

bài học tuổi thơ

Thanh đi qua hết những con đường mòn,
tuy làng quê thay đổi với nhiều căn nhà
mới cất, nhưng cái nét xưa cũ, mộc mạc
đường như không mấy đổi thay. Đến cuối
làng, Thanh rẽ vào con đường nhỏ dẫn ra
nghĩa trang. Bên cạnh mộ đất đã bị thời
gian sỏi mòn, khó cho bất cứ ai nhận ra đó
là hai ngôi mộ, dù tấm bia vẫn còn đó
nhưng cũng nhạt nhòa theo nắng mưa.

Hôm qua cụ Chánh đưa Thanh ra đây, nếu
không có sự chỉ dẫn, không thể nào Thanh
biết đây là mộ của cha mẹ mình. Đối với
Thanh, hai người xấu số nằm sâu trong
lòng đất này chỉ có liên hệ thiêng liêng
trong tiếng gọi “Ba Mẹ”. Ngày Thanh
chào đời, họ đã cùng nhau già từ cõi trần.
Những gì Thanh biết về cha mẹ đều do cụ
Chánh, hay những người trong làng kể lại.

Ba mẹ Thanh không phải người làng
này. Vào một ngày đẹp trời dân làng Đa
Thuận nhận thêm đôi vợ chồng xa lạ vào
trong cuộc sống thân thiết, hiền hoà của
họ. Hai người trẻ ấy có dáng dấp của dân
thành phố, nên lúc đầu nhiều người cũng
thắc mắc tại sao họ chọn nơi này xây dựng
cuộc sống mới. Nhưng với tính tình chân
chất của người dân quê, chỉ vài ngày sau
thấy Mạnh - tên người chồng - mệt nhọc,
nhề nhại mồ hôi mà vẫn không cuộc hết
được đám cỏ dại sau căn nhà nhỏ mới sang
lại của bà Tư Hiền, họ thấy thương cảm
hơn là xét nét. Những bậc cha chú trong
làng đề nghị Mạnh tìm cách khác làm ăn
sinh sống, chứ với dáng dấp thư sinh, vợ
chồng Mạnh không đủ sức cày sâu cuốc
bầm. Theo sự chỉ dẫn của nhiều người,
Mạnh ra quận thuê chiếc xe “lam ba bánh”
vừa làm phương tiện sinh sống vừa giúp
việc giao thương trong làng dễ dàng hơn.
Mạnh cũng ra quận mua ít đồ khô, vài cái
bánh, cái kẹo cho vợ là Thanh ở nhà bán
buôn lật vật làm quen với xóm làng.
Những lúc rảnh rỗi, Thanh cũng dạy cho
những cô chú bé trong làng tập viết, tập
đánh vần hay ca những bài đồng dao,
những bài hát ngắn. Cuộc sống của đôi vợ
chồng trẻ đem lại cho dân làng sinh khí
mới tươi vui hơn. Những đêm trăng, đa số
thanh niên trong làng tụ họp trong căn nhà
nhỏ, nghe Mạnh kể lại những điều hay,
điều lạ của thành phố hay họ cùng hát với
nhau những bản tình ca, du ca. Vài người
tò mò thì được biết Mạnh sinh ra và lớn
lên trong một gia đình giàu có, thế lực,
còn gia đình Thanh nghèo, mẹ góa con côi.

Hai người gặp nhau trong những dịp công
tác xã hội. Cùng tâm tình, cùng ước vọng
nên họ thân nhau, rồi yêu nhau; nhưng vì
vấn đề môn đăng hộ đối nên gia đình
Mạnh quyết tâm phá vỡ cuộc tình của họ.
Không còn cách nào khác, họ đành đi dắt
nhau đến ngôi làng xa xôi bé nhỏ này xin
tá túc. Họ hy vọng thời gian qua sẽ xoa dịu
những thương đau, đổ vỡ trong mối liên hệ
với cha mẹ và ngày nào đó những đứa con
của họ là mối dây nối lại họ với gia đình.
Rồi họ sẽ trở lại thành phố, trở lại với
những mảnh bằng dang dở, quyết chí cho
xong con đường công danh, để tạo dựng
cuộc sống êm ấm cho con cái sau này. Họ
hy vọng giấc mơ êm ái, bé nhỏ đó không
quá tầm tay với, chỉ còn vấn đề thời gian,
nên họ yên vui với cuộc sống thanh bản
trước mặt.

Hôm ấy, như lệ thường, những đêm trăng
sáng, nấu xong bữa ăn tối của hai vợ
chồng, Thanh lấy đậu nấu chè cho buổi
hợp mặt với anh em trong làng. Vừa đặt
nồi chè lên bếp, nghe tiếng chó sủa ngoài
ngõ, Thanh ngạc nhiên sao hôm nay Mạnh
đi làm về mà con chó Kiki lại tru tréo lạ
kỳ. Thanh vặn ngọn đèn dầu cho sáng
hơn, bước ra cửa trước, người đang tiến
vào nhà không phải Mạnh, mà là Hải.
Nhìn nét mặt hoảng hốt của Hải, Thanh
biết có sự chẳng lành:

-Chú Hải, anh Mạnh đâu?

Hải mím môi, nắm chặt đôi bàn tay như
lấy thêm can đảm:

-Em ra ruộng về, đang vội vã cho kịp ra
đầu đường để đón xe anh từ quận về và
xin một khúc quá giang như mọi ngày, thì
em nghe tiếng nổ kính hồn, em lăn ngay
xuống ruộng. Đến khi không còn nghe
động tịnh gì, em mò ra đường, chiếc xe
lam của anh Mạnh trúng ổ mìn, nát tan,
trên xe có chừng sáu bảy người nữa, không
ai còn sống . . .

Sau tiếng hét kinh hoàng của Thanh, Hải
chỉ còn biết la làng để cầu cứu. Dân làng
vội vã đưa Thanh ra bệnh viện quận, với
tất cả sự tận tình của bác sĩ và nhân viên
bệnh viện, mọi người chỉ kịp cứu cậu bé
con kháu khỉnh mà đành già từ người mẹ
trẻ bị băng huyết trong cơn xúc động
mạnh.

Đó là tất cả những gì Thanh biết được về
gốc tích của mình. Đôi lần, với sự khích lệ
của ông nội Chánh, Thanh đăng báo tìm
gia đình nội ngoại của mình, nhưng vẫn bất
âm vô tín. Trên mặt khác, Thanh không
muốn tra tìm vì sợ khi gặp được họ hàng
ruột thịt thì Thanh phải già từ nội Chánh,
người nuôi dạy Thanh từ những ngày vừa

hề mắt chào đời. Tuy nhiều lúc ông cụ khá nghiêm khắc khiến Thạnh bất mãn, nhưng dù sao Thạnh cũng biết ông Chánh thương yêu mình hết lòng; còn gia đình nội ngoại, Thạnh hoàn toàn không đoán được thái độ của họ đối với Thạnh, nhất là ba mẹ Thạnh không còn sống. Theo lời di Tục, người hàng xóm cạnh nhà ba mẹ Thạnh ngày xưa thì sau khi bệnh viện cho trả xác cha mẹ Thạnh về làng, họ định gửi Thạnh vào cô nhi viện, vì những người trong làng nghèo khó, kiếm sống không dễ dàng, nên nuôi thêm một miệng ăn ai cũng ngại. Nhưng cụ Chánh đứng ra xin nhận Thạnh làm cháu nội, Thạnh là tên cụ ghép tên của cha mẹ đặt cho Thạnh với mong ước Thạnh không bao giờ quên cha mẹ mình dù chưa có một ngày sống với họ. Nhiều người cản cụ không nên rước khổ vào thân, nhưng cụ không đồng quan điểm với họ. Cụ bảo, Thạnh thiếu tình thương cha mẹ mà ở cô nhi viện thì khó sống, vì con người sống không những cần thức ăn mà cũng cần tình thương. Cụ cho rằng những người ở cô nhi viện dù có lòng thương người, nhưng với số đông họ không thể nào thỏa đáp nhu cầu yêu thương mà Thạnh cần. Những ngày tháng đầu đời của Thạnh, cụ phải ngược xuôi xin sữa cho Thạnh bú, nhưng vì Thạnh thuộc loại háo ăn, nên dần dần những bà mẹ cũng ngại khi thấy Thạnh giục cặn bầu sữa của con họ. Cụ Chánh phải kiếm một con dê cái về nuôi, vắt sữa cho Thạnh bú, không đủ thì châm thêm nước cơm, nước cháo. Vậy mà Thạnh lớn như phồng. Trước kia, sau khi gia đình cụ bị cơn dịch tả chiếu cố, không chữa cho cụ người nào. Lúc vui cụ đi làm mướn cho những người trong làng kiếm ít lúa gạo, củ khoai sống qua ngày. Những giờ còn lại, cụ chăm sóc khu viên nhà thờ nên lúc nào vườn cũng đầy cây trái thơm ngon, hoa lá khoe sắc thắm. Đến khi có Thạnh, cụ mướn một miếng đất cần cù làm ăn với ước mong có chút vốn liếng sau này lo cho Thạnh ăn học đến nơi đến chốn. Cụ thương yêu Thạnh hết mực, chiều chuộng Thạnh hơn cả những đứa bé cùng tuổi có cha mẹ, nhưng cũng không thể tha thứ khi Thạnh không vâng lời. Cụ cho Thạnh có những giờ rong chơi với bạn bè đánh đáo, đá banh, câu cá, câu tôm . . . đồng thời Thạnh phải chu toàn trách nhiệm ở trường. Giờ mà Thạnh ghét nhất là mỗi tối ngồi học Kinh Thánh với cụ, và ngày thứ Bảy theo cụ đến quét dọn nhà thờ, để chuẩn bị chỗ tốt đẹp, tươm tất cho sự thờ phượng ngày hôm sau. Với Thạnh, những câu chuyện trong Thánh Kinh là những bài học

luân lý cổ xưa khó thực hiện trong cuộc sống, nếu cho Thạnh chọn ngồi đọc Tam Quốc Chí, Đông Chu Liệt Quốc, chắc Thạnh thấy thích thú và ý nghĩa hơn. Sau này, khi một mình nơi xứ lạ quê người, nhiều lần trong cô đơn, lại thêm sự cù dục của bạn bè rất dễ cho Thạnh rơi vào những con đường tội ác, nhưng những lời Thánh Kinh Thạnh học thuở nhỏ như cái thừng giữ cho bước chân Thạnh không lang thang vào những chốn lạc lăm.

Khi Thạnh xong cấp hai trường quận, ở xã đề nghị Thạnh về tập làm thư ký hành chánh cho xã, nhưng ông Chánh không chịu, ông bán hết gia tài, đưa Thạnh ra tỉnh. Hai ông cháu mướn căn gác nhỏ, Thạnh đi học, còn ông đi phụ hồ, phụ mộc, lúc khuân vác hàng, vá xe . . . bất cứ việc gì làm được để kiếm tiền nuôi Thạnh ăn học, ông không từ chối. Rồi một hôm, khi đến nhà Trung để cùng ôn bài cho kỳ thi tú tài, gia đình Trung vượt biên đem theo cả Thạnh, thật vội vã, không kịp cho Thạnh nói lời giã từ với ông Chánh. . .

Khi đến xứ người, thời gian đầu nhiều khó khăn, thêm tuổi trẻ bồng bột vừa ham vui, vừa muốn tỏ mình khôn lớn, không muốn liên hệ ràng buộc với ai nên Thạnh không liên lạc gì với ông Chánh cả. Dù vậy, nhiều đêm cô đơn, hay những lúc khó khăn, Thạnh lại nhớ ông Chánh, nhớ những sự chăm sóc dạy dỗ của ông. Điều mà ngày xưa Thạnh bực bội mỗi lần có chuyện vui hay buồn ông đều đem những lời viết trong Thánh Kinh ra an ủi, khích lệ hay dạy bảo; bây giờ trở nên gia tài đức tin của Thạnh. Thạnh quên sao được những lần bị bạn bè chế nhạo, người ta khinh miệt, Thạnh chỉ là đứa trẻ mồ côi cha mẹ, ông ôm Thạnh vào lòng, chỉ cho Thạnh giá trị của Thạnh trước mặt Thiên Chúa mà Thánh Kinh xác định: “Đừng sợ, vì Ta đã chuộc con. Ta gọi đích danh con; con thuộc về Ta. Dưới mắt Ta, con được quý chuộng và tôn trọng vì Ta yêu mến con” hoặc ông khích lệ Thạnh: “Mắt Chúa thấy thể chất vô hình của tôi. Số các ngày định cho tôi, đã biên vào sổ Chúa trước khi chưa có một ngày trong các ngày ấy.” Một buổi trưa mừng một Tết, đi nhà thờ về, Thạnh hẹn với thằng Hùng đi ra quận chơi, nhưng ông bảo Thạnh ở nhà đi với ông thăm mộ cha mẹ của Thạnh. Không được làm theo ý mình Thạnh bực quá, bảo ông: “Khi nào nội chết thì con thăm mộ nội, ít nhất một năm một lần, còn hai người kia con gọi là ba mẹ nhưng có nuôi con ngày thăm cha, mừng hai thăm thầy.” Ông khác

và ôn tồn bảo Thạnh: “Con à, đừng nuôi mầm vô ơn như vậy, tuy cha mẹ con không nuôi con ngày nào, nhưng cha mẹ con là người được Chúa dùng đưa con vào cuộc đời này. Không có cha mẹ con, làm sao có con. Và Chúa dạy những người làm con phải hiếu kính cha mẹ Chúa mới ban phước. Mình không cúng kiếng vì người chết không hưởng được, nhưng ông muốn đưa con ra thăm mộ để con biết rằng trong tình yêu của cha mẹ con được sinh ra, con nhớ ơn cha mẹ thì con sẽ nhớ ơn Chúa tạo dựng con, Đấng đặt con trong lòng mẹ con, cho con làm người Việt. . .” Những bài học tuổi thơ ấy thấm sâu trong cuộc đời của Thạnh, đến nỗi nhiều lần Thạnh muốn vứt bỏ, muốn quên đi quá khứ, muốn nghỉ trong cuộc đời này mình không còn ai thân thuộc nơi xứ người mình được tự do, không ai biết mình, muốn sống thế nào tùy mình. . . Nhưng không quên được, nên Thạnh quay lại nhà thờ để cùng thờ phượng Chúa với các anh chị em cùng đức tin, tìm về những sinh hoạt của cộng đồng người Việt để cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, và quay lại về quê hương tìm cụ Chánh.

Đêm hôm qua, Thạnh nói ý định về tìm cụ, Thạnh muốn mời cụ qua sống với gia đình Thạnh để Thạnh có dịp đền đáp công ơn dạy dạy Thạnh, và cũng mong cụ giúp Thạnh việc dạy dỗ con cái của Thạnh có đức tin và trở nên người tốt. Những điều cụ dạy bảo khiến Thạnh suy nghĩ nhiều: “... Tối đó đợi hoài không thấy con về, ông đi qua nhà thằng Trung hỏi thăm, có chị bà con của Trung bảo con theo gia đình Trung về quê. Ông hơi giận vì con đi là không xin phép, những ngày sau, ngày nào ông cứ ghé hỏi thăm tin tức của con. Khoảng hai tuần sau thì người ấy cho biết là con đã theo gia đình Trung vượt biên và đã đến được bến bờ bình an. Nghe vậy, ông thấy mình đâu còn lý do gì để ở lại thành phố, nên ông trở về làng. Không nhận tin tức nào của con nên nhiều người đoán là con chết rồi, nhưng ông tin con còn sống và ngày nào ông cũng cầu nguyện cho con. Bây giờ, con trở về thăm, ông thỏa lòng rồi. Với tuổi này, ông có ước ao gì hơn là chết trên quê hương mình, Con về thăm đã nói lên được lòng hiếu thảo của con, con yên lòng. Những gì con muốn làm cho ông thì con cố gắng làm cho những người kém may mắn, như con ngày nào. Giúp đỡ người khác là con báo hiếu với cha mẹ, với ông rồi. Còn dạy dỗ con của con, ông không thể làm điều đó được, đó là trách nhiệm của con. Bài học tuổi thơ là bài học truyền từ thế hệ này qua thế hệ

khác. Những gì ông học được, ông đã dạy cho con và giờ đây con dạy lại con của con. Thánh Kinh dạy: “Hãy dạy cho trẻ thơ con đường nó phải đi, hầu khi trở về già không hề lìa bỏ đó.” Ông dẫn con đi qua con đường mòn ấy, con đường kinh nghiệm của cuộc đời, và giờ đây đến phiên con dẫn con của con đi qua Thạnh à . . .

Nhìn lại con đường làng, ánh nắng đang trải dài soi rọi những đoạn đường bằng láng lẫn gỗ ghề. Con đường quen thuộc của bao thế hệ cha ông đi qua, và rồi Thạnh sẽ dẫn con cháu mình đi qua những nẻo cuộc đời thế nào? Thạnh ngược mắt nhìn lên cao thì thầm: “Chúa ơi, xin giúp con đưa được con cái con đi qua những nẻo đường cha ông con đã dắt con đi qua. . .”

Ái Tâm

Giáo Lý Căn Bản Cho Trẻ Thơ

Bài 3

Đức Chúa Trời từ đâu mà có ?

Có rất nhiều điều huyền diệu về Đức Chúa Trời mà chúng ta không thể nào hiểu hết được. Chúng ta cũng đã học về một trong các điều ấy. Các em còn nhớ không? Chúng ta đã học rằng *Chúa có thể ở khắp mọi nơi trong cùng một lúc*. Nghe lạ quá phải không các em? Làm sao chúng ta có thể hiểu nổi chuyện ấy được. Hơn nữa Chúa cũng không giải thích cho chúng ta biết tại sao Ngài lại có thể làm như vậy được. Chắc là khi nào các em vào thiên đàng, Chúa sẽ cho các em biết rõ các việc lạ lùng này. Các em có tin như thế không?

Còn một điều nữa về Đức Chúa Trời mà chúng ta cũng không thể hiểu nổi. Tôi hỏi các em một câu nhá? Đức Chúa Trời từ đâu mà có? Đức Chúa Trời có cha mẹ như tất cả các em không? Không, Chúa không có cha mẹ như chúng ta. Chúa cũng không bao giờ được sinh ra. Chúa không bao giờ từ một em nhỏ lớn lên thành người như chúng ta. Chúa cũng được ai sinh ra ở trên trời, vì Ngài luôn luôn sống ở đó. Chúa luôn luôn vĩ đại và rất lạ thường đúng y như hiện tại. Chúa luôn luôn sống và tồn tại.

Nói như thế nghĩa là hôm qua đã có Chúa, ngày hôm trước hôm qua và những

ngày hôm trước khác nữa, đã có Chúa. Chúa đã sống trước khi các em được sinh ra đời, trước cả khi cha và mẹ các em được sinh ra. Chúa có trước cả ông nội ông ngoại, trước cả núi non, cây cỏ và thú vật. Chúa sống hằng triệu triệu năm trước bất cứ điều gì xảy ra hay sinh ra.

Nhưng ai sinh ra Đức Chúa Trời? Câu trả lời là: Không ai sinh ra Đức Chúa Trời cả. Không ai tạo dựng hay làm ra Chúa. Đức Chúa Trời luôn luôn có mặt và sống. Chúng ta không hiểu nổi chuyện này, nhưng đây chính là sự thật.

Đức Chúa Trời tự nhiên mà có và Ngài sống mãi mãi, đó là điểm các em cần nhớ.

Nhưng các em cũng nên biết rằng các em cũng sẽ sống mãi mãi nữa. Vì Chúa tạo ra các em để sống mãi mãi. Dĩ nhiên là chúng ta sẽ không sống mãi mãi trên mặt đất này đâu. Một ngày kia thân xác chúng ta sẽ già đi và chúng ta sẽ đi sống ở một nơi khác. Chúng ta có thể đi về sống với Chúa nếu chúng ta đã từng kính yêu Chúa khi sống trên đất với cha mẹ và bè bạn. Chúng ta phải biết kính yêu Chúa thật nhiều.

Nhiều người sống trên đời này không biết kính yêu Chúa mà chỉ lo cho mình, như thế là dại lắm. Vì khi họ chết đi, Chúa sẽ không muốn cho họ lên trời mà đưa họ vào một nơi tối tăm và buồn thảm, họ sẽ sống ở đó mãi mãi và xa cách Chúa.

Vì chúng ta sẽ sống mãi mãi nên chúng ta cần phải cẩn thận ngay từ bây giờ. Tối đây tôi kể cho các em nghe câu chuyện về một nhà nông rất giàu có, nhưng quên đi là ông ta sẽ phải sống mãi mãi.

Một hôm nọ bác nông phu giàu có này ra thăm kho lúa của bác và thấy lúa nhiều quá. Thăm một kho thứ hai cũng thấy lúa tràn ngập. Bác sung sướng quá vì có rất nhiều lúa trong kho. Bác nghĩ rằng nếu bán lúa đi, bác sẽ có rất nhiều tiền và trở thành giàu có hơn nữa.

Bác tự bảo mình: “Thôi bây giờ ta không cần phải làm việc khó nhọc nữa. Ta sẽ có nhiều tiền của và giàu sang, tha hồ uống rượu và ăn bất cứ món ăn ngon nào, ta cũng có thể làm bất cứ việc gì ta muốn, sung sướng quá!!!”

Đêm hôm ấy khi bác nông phu giàu có đi ngủ, bác vẫn còn nghĩ đến lúa và tiền của mình với những phương cách nào tiêu tiền cho hay nhất. Nhưng bác quên một điều, đó là không bao giờ nghĩ đến Chúa muốn bác dùng tiền vào việc gì.

Cũng đêm hôm ấy bác nông phu giàu có ấy chết. Sau khi chết, bác ta phải gặp Đức Chúa Trời và lúc ấy quá trễ không

còn làm được những gì Chúa muốn mình làm, như dùng tiền của cho người nghèo khó hay nói cho người khác về Chúa.

Chúng ta cũng thế, chúng ta nên nhớ rằng mỗi chúng ta đều sẽ sống mãi và đều sẽ gặp Chúa. Tôi mong rằng các em sẽ không dại như người nhà nông giàu có kia.

Phần Kinh-thánh đọc thêm:

Lu-ca 12:16-28

Câu hỏi:

1. Đức Chúa Trời có sinh nhật không các em?
2. Chúa có sống trước núi non và cây cỏ không?
3. Chúa sống bắt đầu từ khi nào các em biết không?
4. Các em sẽ sống bao lâu nữa sau khi thân xác chết?

Một lời cầu nguyện:

Lạy Cha trên trời, chúng con cảm tạ Cha vì ban cho chúng con sự sống vĩnh hằng qua Chúa Giê-xu. Xin giúp chúng con hôm nay biết làm những gì Cha ưa thích. Chúng con cầu nguyện trong danh Chúa Giê-xu. A-men.

(Trích soạn theo *Devotions for the Children's Hour* - Moody Press . Chicago)

(*Quý độc giả có thể dùng bài học này cho con em ở nhà, trước giờ các cháu đi ngủ.*)

Chân Trời Mới
Văn Phẩm Nguồn Sống

Chủ Nhiệm & Chủ Bút:
Nguyễn Sinh

Giám Đốc Điều Hành:
Hồ Xuân Phú

E-mail: info@vpns.org
Phone: (714) 758-8767
Địa Chỉ: P.O. Box 4586
Anaheim, CA 92803 USA

Giá Trị

David Stein là một người Pháp chưa bao giờ học hội họa, nhưng có tài mô phỏng đến độ người ta khó có thể phân biệt giữa một bức họa thật với bức mà anh ta vẽ giả. Họa sĩ Chagall một ngày nọ tình cờ nhìn thấy một bức tranh của mình, nhưng đứng ngấm một lát ông ta bỗng nhận ra không phải tranh mình vẽ. Chagall nổi giận gọi David Stein là loài ma quỷ. Lời chửi mắng đó đã kết tội David Stein. Anh ta đã bị ngồi tù sáu năm, sau đó lại dùng tài của mình mà tự sáng tạo.

David Stein từng mô phỏng và vẽ lại khoảng 400 bức tranh của các danh họa như Chagall, Picasso, Dufy, Miro, Modigliani và nhiều người khác nữa mà anh ta ưa thích. Anh ta cũng bán được hàng triệu đô-la tranh kiểu này. Trong lịch sử hội họa, David Stein là người chỉ có kém Hans van Meegeren, một họa sĩ Hoà-lan. Anh này tuyên bố là đã vẽ toàn bộ tranh quý giá của danh họa Vermeer. Mặc dù chuyên môn đến đâu cũng không thể nào phân biệt nổi tranh thật và tranh mô phỏng vẽ lại. Nhưng Hans van Meegeren bị lộ mặt nạ là khi bị bắt về tội cộng tác với bọn Đức Quốc Xã. Anh ta đã bán một bức tranh của Vermeer cho Hermann Goering, phụ tá cao cấp của Hitler trong thời kỳ Đức chiếm Hoà-lan. Meegeren ra toà cãi rằng, anh ta không ỏ bé bọn Đức, mà thật ra chỉ bán bức tranh giả. Nhờ đó người ta mới biết là Meegeren vẽ tranh giả. Tuy công nhận là mình vẽ tranh giả, nhưng tranh của Meegeren được hâm mộ đến nỗi người ta không biết anh ta có nói thật hay không nữa. Anh ta tiết lộ cả phương pháp vẽ tranh giả mà người ta cũng không tin. Meegeren phải ngồi ngay trước mặt cảnh sát mà vẽ tranh Vermeer để cho khỏi bị nghi ngờ là làm gián điệp cho Đức. Sau khi dùng tia phóng xạ để phân biệt tuổi của các bức họa, người ta mới tin là anh ta chỉ bán tranh giả cho Đức Quốc Xã, chứ không phản quốc.

Hai mươi năm sau đó, David Stein tránh được mọi khuyết điểm trong việc vẽ giả tranh, anh ta dùng chính những chất liệu mà Picasso và Chagall dùng, kể cả màu và loại vải.

David Stein bắt đầu vào nghề vẽ tranh giả khi anh ta chơi nghịch vẽ lại một bức tranh nổi tiếng. Được một người bạn khuyến

khích vẽ lại những bức nổi danh rồi đem bán cho các nhà buôn tranh. Bức họa đầu tiên của Meegeren đem bán là bức vẽ khoả thân của Picasso. Anh ta không cho việc vẽ tranh như thế là xấu xa, vì bảo rằng thị trường hội họa cần đến anh ta. Họa phẩm của anh ta bán cho con buôn khoảng 500 đô-la, con buôn đem bán cho khách hàng với giá 6000 đô-la thật dễ dàng. Họa phẩm của Stein đã tràn ngập Âu châu, và anh ta còn mở một phòng tranh tại cả New York. Công việc làm ăn thịnh vượng đến nỗi một buổi sáng có người mời đi ăn sáng để thưởng lượng về giá ba bức tranh của Chagall mà anh ta chưa bao giờ vẽ. Sau khi gặp người cần mua, David Stein mới về nhà lấy giấy ra, ngâm vào nước trà để nhuộm nâu, rồi phác họa như tranh Chagall thật, sau đó đem phơi khô rồi đặt dưới đèn pha để mặt bức tranh rạn nứt ra cho giống tranh cổ, chạy đi đóng khung, rồi dùng phương pháp phóng ảnh in lên giấy vừa hình vẽ lại cả tên Chagall. Trưa hôm sau, anh ta đã có tranh giao cho nhà buôn và thu về 10500 đô-la. Nhưng dần dần, David Stein không vẽ lại tranh của người ta nữa mà vẽ tranh riêng của mình. Tranh của anh ta để bên cạnh những tranh để tên Stein, phỏng theo danh họa nào đó.

Thật sự thì nổi danh nhờ về cốp tranh của người khác không phải là hiếm. Chính Michelangelo cũng đã phát lộ chân tài từ lúc còn đi học. Ông ta đã mô phỏng vẽ lại một bức tranh giống in hệt, đến nỗi người ta không biết được tranh nào thật, tranh nào giả.

Khoa học ngày nay có những dụng cụ để khám phá ra tranh giả hay thật. Người ta dùng đèn huỳnh quang để xem những vật trong tranh, nhiệt quang để xem tuổi của lớp men trắng, và dụng cụ để tìm ra tuổi của màu vẽ.

Nhưng mặt khác, tiến bộ trong khoa học cũng giúp người ta làm nhiều thứ giả hay là thứ thay thế cho đồ thật mà không ai lên án cả, vì tiện lợi cho cuộc sống con người. Người ta từng làm giả kim cương, hạt trai, cá loại ngọc quý. Thị trường thế giới ngày nay tiêu thụ đồ giả nhiều hơn đồ thật. Các thứ tư lự, gấm vóc còn được làm giả nhiều hơn và tiêu thụ dễ hơn. Người ta còn dự kiến thay thế những thức ăn thật bằng thức ăn giả nữa. Nhiều nơi đang dùng muối giả, đường giả để chữa bệnh đường ruột.

Người ta làm cả những người giả để thay thế cho người thật. Ngoài những loại người điện tử, người ta còn làm loại người

bionic có sức mạnh thần diệu, vì được trang bị những máy móc cực kỳ tinh xảo, có thể nhảy cao, chạy nhanh, nghe xa, thấy rộng hơn người thường. Nhiều người còn sợ rằng một ngày kia các loại máy móc này sẽ quay lại sai khiến con người cũng nên.

Khi làm giả một bức tranh hay một đồ vật, người ta nghĩ đến giá trị. Giá trị là một điều mà chỉ loài người mới biết hâm mộ, quý chuộng, mô phỏng, chiếm đoạt, làm mất hay là đi tìm.

Con người làm thế nào quan niệm được giá trị nếu tự trong con người không có giá trị nào cả?

Bạn nhìn vào một đứa bé. Có thể bạn nghĩ rằng nó không biết gì, không hiểu gì lắm, nhưng khi bạn trò chuyện với nó, bạn mới thấy nó có trí nhớ, biết lựa chọn cái gì hay đẹp, cái gì ngon; nó biết yêu, ghét; nó còn biết sáng tạo khi sắp xếp các món đồ chơi của nó. Mặc dù nó chưa làm được gì to lớn, nhưng bấy nhiêu cũng đủ thấy nó có một giá trị. Cũng vì vậy mà người ta có thể yêu mến, săn sóc nó.

Người ta vẫn bảo con người quý hơn vạn vật. Nhưng quý ở chỗ nào? Con người biết suy nghĩ, sáng tạo, và nói cho cùng là biết giá trị và biết đánh giá, biết lựa chọn và biết sống theo những tiêu chuẩn. Chúa Giê-xu khi đến với nhân loại, đã để ý đến giá trị thật của đời sống. Những gì chúng ta đánh giá về một người chỉ là cái bề ngoài, hay những gì người ấy biểu lộ ra. Chúa Giê-xu nhìn thấu tận tâm hồn của mỗi người. Tại tâm hồn nhân loại có những dấu vết tội ác. Mỗi đời sống có những ưu tư, bất an, lo sợ và những nan đề không giải quyết được. Chúa vẫn nghe những tiếng thở than của mỗi người, của bạn và tôi.

Chúa biết chúng ta đang sống một cuộc đời không thoả mãn. Hơn thế nữa, Chúa biết nhân loại đang đi xuống trên một triền núi dốc đưa thẳng xuống vực thẳm đời đời tuyệt vọng. Đó là lý do Chúa đã đến và tuyên bố Ngài là con đường, là chân lý và nguồn sống. Không nhờ Ngài, không ai ra khỏi được vẩn nạn của cuộc đời và bóng tối của tội ác. Ai tin Chúa Giê-xu sẽ không đi trong bóng tối, nhưng có ánh sáng của sự sống.

Giá trị mà chúng ta tìm thấy trong Chúa Giê-xu là tình yêu, niềm tin và hi vọng. Không có giá trị nào trong đời so được với ba điều này. Trong nhân loại không có

tình yêu đó và vì vậy không thể tin nhau và chẳng có hi vọng nào cả. Trong đời sống nhiều bất trắc, đổi thay và đau khổ chỉ có Chúa Giê-xu đem lại giá trị thật. Vì chính Ngài đã làm cho mỗi chúng ta có được giá trị, nếu chúng ta bằng lòng tin nhận và mời Ngài vào làm chủ cuộc đời. Trong Chúa Giê-xu con người được nâng lên một bậc cao hơn nữa trên thang giá trị, vì được trở về giao tiếp với nguồn của mọi giá trị là Thượng Đế.

Thánh Linh trong Thế Giới Ngày Nay

Bài 2.

Thánh-linh làm Báp-tem cho Hội-thánh

“Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các người ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa. Tay Ngài cầm nia mà dè thật sạch sân lúa mình và Ngài sẽ chứa lúa vào kho, còn rơm rạ thì đốt trong lửa chẳng hề tắt. Khi ấy, Đức Chúa Jê-sus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đan, đặng chịu người làm phép báp-tem. Song Giăng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp-tem, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy. Giăng bèn vâng lời Ngài. Vừa khi chịu phép báp-tem rồi, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nước; bỗng chúc các từng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Đây là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.”
(Ma-thi-ơ: 3:11-17)

“Và, như thân là một, mà có nhiều chi thể, và như các chi thể của thân dầu có nhiều, cũng chỉ hiệp thành một thân mà thôi, Đấng Christ khác nào như vậy. Vì chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gô-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ,

đều đã chịu phép báp-tem chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng ta đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa.”
(1 Cô-rinh-tô 12:12-13)

Phần Kinh-thánh kể trên cho ta thấy hình ảnh những ngày dân chúng đến để nhận báp-tem dưới sông Giô-đan. Người ta từ những nơi thuộc miền nam Giu-đê như Hếp-rôn, Bết-lê-hem đông đảo kéo về. Từ miền Ga-li-lê trở lên phía bắc trong các vùng như Bết-sai-đa, Ca-bê-na-um, Nê-a-po-lít và cả Sa-ma-ri, người ta cũng rủ nhau đi. Ngay từ Giê-ru-sa-lem người ta cũng kéo đi từng đoàn, hằng trăm người.

Trên hai bờ sông vùng phía đông của thành Giê-ri-cô xưa, nhiều người ra đứng xem. Mọi người đều chăm chú nhìn một người nét mặt nghiêm nghị, râu tóc bờ phờ nhưng mắt sáng như ngọn lửa. Y phục ông ta trông cũng kỳ dị. Bên ngoài khoác một cái áo choàng bằng lông lạc đà, ngang lưng có thắt lưng da. Còn lương thực của ông ta mới khác lạ: chỉ ăn toàn châu chấu với mật ong rừng.

Nhưng không phải vì bộ dạng ông ta như thế mà thu hút người đến xem đâu. Người ta đến để nghe ông ta nói. Kể từ thời nhà tiên tri Giê-rê-mi tới lúc đó, nghĩa là 600 năm mới thấy xuất hiện một nhà tiên tri thu hút quần chúng như thế.

Ông Giăng, người làm báp-tem đó là con trai thầy tế lễ Xa-cha-ri và vợ là Ê-li-sa-bét. Ông ta xuất hiện như một thiên thể, đầy quyền năng thuyết phục, loại quyền năng chắc chắn xuất phát từ Thánh-linh. Tương tự như linh tụ Môi-se và nhà tiên tri Ê-li ngày xưa, ông cũng từ sa mạc hoang dã trở về, đúng là:

“Tiếng kêu trong đồng hoang: Hãy dọn đường cho Chúa, ban bằng các lối cho Ngài.”

Sứ điệp của ông Giăng cũng nghiêm trọng không khác gì hình dáng của ông: “Hãy ăn năn hối cải, vì nước trời đã đến gần.” (Ma-thi-ơ 3:2).

Không ai rõ vì sao đám đông kéo nhau đến. Tò mò cũng có, vì con người kỳ quái với lời nói khác thường. Nhưng cũng có thể là tham vọng về chính trị, người ta hi vọng ông Giăng là linh tụ đưa dân tộc ra khỏi thống trị La-mã lúc ấy.

Nhưng ngoài các lý do kể trên, một số người đến là vì đói khát trong tâm linh. Họ đã chán nghe những lệ luật của dòng tu Pha-ri-si, lại càng chán bọn thầy tế lễ chỉ tìm cơ hội trục lợi, và cảm thấy Chúa trở nên quá xa vời, vì thế họ đã tìm đến Giăng; họ nghe ông nói và tin. Thế rồi họ bằng lòng xuống sông Giô-đan, ăn năn hối lỗi, từ bỏ nếp sống hư xấu, được làm báp tem. Nhiều người theo Giăng làm đệ tử.

Nhưng đây chưa phải là điều ông Giăng mong muốn. Lễ báp-tem của ông có chỗ đứng của nó, nhưng có việc khác quan trọng hơn theo sau, vì ông bảo: “Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các người ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Đức Thánh Linh và bằng lửa.” (Ma-thi-ơ 3:11).

Chuyển đoạn lớn

Ông Giăng là một nhà tiên tri, một sứ giả của Chúa, nhưng ông cũng là một người rất khiêm nhường hạ mình. Ông biết chỗ đứng của mình trước Đấng Mê-si-a, con Đức Chúa Trời, ông cũng hiểu sứ mạng của mình. Lễ báp-tem ăn năn hối lỗi rất quan trọng. Vì lễ này nhắc cho đồng bào của ông Giăng lúc ấy biết rằng họ cần phải được thanh tẩy; báp-tem này cũng khiến họ thay đổi những lối sống ích kỷ và tội ác; nó đưa họ đến chỗ nhận ra mình thiếu sót nhiều và cho họ đổi điện với việc Chúa phải làm chủ cuộc đời họ.

Nhưng có việc cần hơn thế nữa. Tội ác của con người nằm thật sâu trong tâm hồn đến nỗi báp-tem của Giăng không thể với tới; những dấu vết nổi loạn không hòa tan trong nước sông Giô-đan. Ăn năn và thanh tẩy rất quan trọng, nhưng việc này phải dẫn đến đức tin và sự sống vĩnh hằng mà Chúa hứa ban cho người tin Ngài. Lời ông Giăng tuyên bố đã đưa đến một chuyển đoạn lớn trong cuộc đời người tin Chúa. Vì từ lúc ấy trở đi ánh sáng sẽ dọi về phía Chúa Giê-xu, Con Đức Chúa Trời và là Đấng Mê-si-a, chứ không phải là Giăng, người chỉ đem tin mở đường cho Chúa Cứu Thế.

Chúa Giê-xu cũng không khước từ lễ báp-tem bằng nước. Ngược lại, Chúa bảo ông làm báp-tem cho chính Ngài nữa, dù Giăng phản đối: “Khi ấy, Đức Chúa Jê-sus

từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đan, đặng chịu người làm phép báp-tem. Song Giăng từ chối mà rằng: Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp-tem, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao! Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy. Giăng bèn vâng lời Ngài.” (Ma-thi-ơ 3:13-15).

Chuyển đoạn từ việc Giăng làm sang việc Chúa Giê-xu làm hay từ báp-tem bằng nước sang báp-tem bằng Thánh Linh đã xảy ra ngay tại sông Giô-đan khi ấy: “Vừa khi chịu phép báp-tem rồi, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nước; bỗng chúc các từng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: Này là Con yêu dấu của ta, đẹp lòng ta mọi đàng.” (Ma-thi-ơ 3: 16-17). Trong nước lúc nhận báp-tem, Chúa Giê-xu nhận Thánh Linh của Đức Chúa Trời. Chuyển đoạn bắt đầu.

Trong suốt thời gian làm việc tại thế gian, Chúa Giê-xu đã thực hiện mọi việc nhờ Thánh Linh. Bạn có thể hỏi rằng: Chúa Giê-xu là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời trong cõi vĩnh hằng; tại sao Ngài cần đến quyền năng của Thánh Linh? Câu trả lời tìm được trong ý nghĩa của cuộc nhập thể làm người của Chúa Giê-xu. Khi con Đức Chúa Trời lấy hình thể một hài nhi vào đời, Ngài để lại quyền năng thiêng liêng của Ngài. Như Sứ đồ Phao-lô đã nói: Ngài tự bỏ mình đi, hay dốc đổ hết. (Phi-líp 2:7) Vì Ngài tự nguyện làm một con người, Ngài tạm đời bỏ quyền năng vốn có từ cõi vĩnh hằng. Nhưng ta nên nhớ rằng, khi nhập thể, Chúa Giê-xu vẫn là Đức Chúa Trời. Vì Đức Chúa Trời có thần tính vĩnh hằng không bao giờ thay đổi. Nhưng Chúa Giê-xu đã tự hạ mình hoàn toàn khi Ngài mang lấy thân xác con người đến nỗi Ngài quyết định phải nương nhờ vào quyền năng của Cha và của Thánh Linh hơn là quyền năng của *con người* của Ngài.

Việc Chúa Giê-xu phụ thuộc vào Thánh Linh của Đức Chúa Trời được thể hiện rõ trong quang cảnh báp-tem hôm ấy, một quang cảnh mà ông Giăng mô tả: “Ta đã thấy Thánh Linh từ trời giáng xuống như chim bồ câu, đậu trên mình Ngài.” (Giăng 1:32).

Khi Thánh Linh ngự thì mọi việc đổi khác. Những việc Chúa Giê-xu làm, những lời Ngài nói, tình thương mà Ngài biểu lộ, quyền năng mà Ngài thi thố, nhất nhất đều khả dĩ vì Thánh Linh của Đức Chúa Trời ở với Ngài. Một lối sống mới – lối sống vĩnh hằng, đã mở ra cho con người.

Áp Dụng cho Hội Thánh

Trong ngày có chuyển đoạn quan trọng ấy, trước sự chứng kiến của đám đông, trên bờ sông Giô-đan, ông Giăng hứa rằng Chúa Giê-xu đem đến một báp-tem lớn hơn, đó là báp-tem bằng Thánh Linh. Lời hứa này đã hoàn toàn thực hiện trong ngày lễ Năm Mười Ngày sau khi Chúa Giê-xu sống lại. Đó là khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời giáng trên Hội Thánh. Chính Chúa Giê-xu từng nói, như trong Công vụ ghi: “Sau khi chịu đau đớn rồi, thì trước mặt các sứ đồ, Ngài lấy nhiều chứng cứ tỏ ra mình là sống, và hiện đến với các sứ đồ trong bốn mươi ngày, phán bảo những sự về nước Đức Chúa Trời. Lúc ở với các sứ đồ, Ngài dặn rằng đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, nhưng phải ở đó chờ điều Cha đã hứa, là điều các người đã nghe ta nói. Vì chưng Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh.” (Công Vụ Các Sứ-đồ 1:3-5).

Trong bài giảng vào dịp Lễ Năm Mười Ngày (Ngũ Tuần), Sứ đồ Phi-e-rô giải thích: “Vậy, sau khi Ngài đã được đem lên bên hữu Đức Chúa Trời, và từ nơi Cha đã nhận lấy Đức Thánh Linh mà Cha đã hứa ban cho, thì Ngài đổ Đức Thánh Linh ra, như các người đang thấy và nghe.” (Công Vụ 2:33).

Như thế, Chúa Giê-xu đã sống, chịu hi sinh, chết đi, sống lại đều nhờ quyền năng của Thánh Linh của Đức Chúa Trời, cũng một Thánh Linh đó lại đã được ban xuống cho Hội Thánh ban đầu, cho 120 người. Chúa Giê-xu bắt đầu chức vụ bằng lễ báp-tem, Hội Thánh cũng bắt đầu với báp-tem của Thánh Linh.

Con đường đã mở ra cho quyền năng Thánh Linh. Không phải chỉ một con người Giê-xu được Thánh Linh báp-tem, nhưng cả Hội Thánh đã chìm trong báp-tem đó.

Lễ Năm Mười Ngày là một khởi đầu của một quá trình không cần nhắc lại. Lễ Năm Mười Ngày với Thánh Linh giáng lâm chỉ xảy ra một lần và không cần phải tái diễn. Hội Thánh chỉ có một khởi đầu, cũng y như việc Chúa nhập thể một lần, chịu thương khó một lần, phục sinh một lần và thăng thiên một lần. Trong thời biểu của nước Chúa chỉ có một lần Thánh Linh tuôn đổ, một lần báp-tem để đưa con dân Chúa và gắn bó họ trong một thân thể gọi là Hội Thánh.

Dĩ nhiên là Hội Thánh đã được mở rộng và nhiều người gia nhập vào Hội Thánh. Nhưng Hội Thánh chỉ có một mà thôi, và chỉ có một khởi đầu. Mỗi một người tin nhận Chúa là thêm vào cái Hội Thánh đã bắt đầu từ hơn hai nghìn năm xưa ấy.

Sứ đồ Phi-e-rô đã mở đường cho việc gia nhập Hội Thánh ban đầu khi ông kêu gọi: “Hãy hối cải, ai nấy phải nhân danh Đức Chúa Jê-sus chịu phép báp-tem, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Đức Thánh Linh.” Và kết quả là: “Vậy, những kẻ nhận lời đó đều chịu phép báp-tem; và trong ngày ấy, có độ ba ngàn người thêm vào Hội thánh.” (Công Vụ 2:38,41).

Tiếp theo đó và cho đến ngày nay, qua hơn 20 thế kỷ, vô số người đã tin nhận Chúa Giê-xu và gia nhập cùng một Hội Thánh từ thờ ban đầu ấy. Mỗi một người ăn năn tội, tin nhận Chúa Giê-xu là Chúa và Đấng Giải Cứu là đã thuộc về thân thể thiêng liêng của Chúa Cứu Thế, tức là Hội Thánh. Như Sứ đồ Phao-lô từng viết: “Chỉ có một thân thể, một Thánh Linh, như anh em bởi chức phận mình đã được gọi đến một sự trông cậy mà thôi; chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp-tem; chỉ có một Đức Chúa Trời và một Cha của mọi người, Ngài là trên cả mọi người, giữa mọi người và ở trong mọi người.” (Ê-phê-sô 4:4-6).

Chính là báp-tem của Chúa Thánh Linh đã khiến tất cả những người tin Chúa đều hợp làm một. Cuộc hợp nhất của chúng ta không phải về văn hóa hay ngôn ngữ, cũng không phải hình thức nghi lễ hay chi tiết giáo lý, nhưng là vì chỉ có một Thánh Linh và một báp-tem của Thánh Linh đó đã khai sinh Hội Thánh.

Nước Suối Giữa Sa Mạc

Giê-rê-mi 17:17 "Ngài là nơi ẩn náu của tôi trong ngày hoạn nạn, xin chớ làm cơ cho tôi kinh khiếp!"

Đường người theo Chúa đi không phải lúc nào cũng rực nắng mà nhiều lúc mây mù mưa bão. Trong lời Chúa đúng là đã có chép rằng: "Các nẻo vốn là nẻo khoái lạc, và các lối nó cả đều bình an." Châm ngôn 3:17. Thật như vậy, vì niềm tin này hứa hẹn cho ta hạnh phúc như thế; nhưng kinh nghiệm cho hay rằng nếu con đường ta đi gọi là: "Con đường người công chính giống như sự sáng chiếu rạng, càng sáng thêm cho đến giữa trưa." Châm Ngôn 4:18, thì đôi khi ánh sáng đó cũng bị nhật thực. Vào một số thời điểm nào đó những đám mây mù che khuất mặt trời của người tin Chúa, và người ấy đi trong bóng tối, không ánh sáng gì cả. Nhiều người mừng vui sự có mặt của Chúa rạng rỡ trong một thời gian; họ dường như tắm gội trong ánh nắng chan hòa lúc mới tin Chúa; họ đi trên những đồng cỏ xanh bên cạnh những vùng nước phẳng lặng, rồi bỗng nhiên thấy như bầu trời tối sầm lại.

Thay vì sống trên vùng đất Gô-sen như Gia-cốp tại Ai-cập, lúc Giô-sép làm tể tướng, họ phải lằm lũi trong sa mạc cát nóng; thay vì chỗ nước trong, họ chỉ gặp toàn nước đục, khó uống, và họ nói: "Nếu ta là con của Chúa, làm sao chuyện này có thể xảy ra được?"

Nhưng người của Chúa không nên nghĩ như vậy. Vì những thánh nhân bậc nhất của Chúa vẫn phải uống nước ngải cứu; và những đứa con cứng nhất của Chúa phải mang vác thập giá.

Không có người tin Chúa nào được hưởng thịnh vượng mãi; không có tin đồ nào treo được mãi cây đàn hạc trên cành liễu, như kiểu các họa sĩ xưa mô tả.

Có lẽ lúc đầu Chúa cho bạn đi trên đoạn đường trơn và không mây phủ, vì bạn yếu và rụt rè. Chúa kìm hãm bớt gió vì chiên con sợ sệt, nhưng bây giờ bạn mạnh mẽ hơn trong đời tin kính, bạn phải được đưa vào kinh nghiệm chín chắn hơn và con đường gập ghềnh hơn của những đứa con trưởng thành.

Chúng ta cần những cơn bão tố để luyện tập đức tin, để phá bỏ những cành cây tự cậy nhờ sức riêng mà đâm rễ thật sâu trong Chúa Cứu Thế.

Những ngày càng xấu càng cho ta thấy giá trị của hi vọng vinh quang rạng ngời.